

Bản án số: 127/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyện

Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa xét xử sơ thẩm số 1633/TB-TA ngày 23 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N; địa chỉ: Thôn Bảo Kiềm, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lee; địa chỉ: Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N: Chị N và anh Lee tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc có ghi chú tại Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng năm 2006. Sau khi kết hôn, chị N sang Hàn Quốc sinh sống với anh Lee nhưng do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân nhau. Đến năm 2009 chị N trở về Việt Nam và từ đó đến nay anh chị không liên lạc với nhau. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Lee; về con chung và tài sản chung thì giữa anh chị không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Trình bày và đề nghị của bị đơn anh Lee: Anh Lee là người nước ngoài. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc để tổng đạt các văn bản, quyết định tố tụng cho anh Lee, như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo thời gian tiến hành phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo thời gian mở phiên tòa. Tuy nhiên, cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc đã gửi Văn bản cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có nội dung không thể tổng đạt cho anh Lee vì đóng cửa vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án. Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp để tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Lee theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 Tòa án xét xử vắng mặt anh Lee là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thu Hương. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lee. Về con chung, tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Bị đơn là anh Lee hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về kết quả ủy thác tư pháp và sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Theo địa chỉ mà chị Nguyễn Thị N cung cấp cũng như địa chỉ mà anh Lee đã khai khi làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị N, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc để tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Lee. Ngày 05/3/2021 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, thời gian mở lại phiên tòa sẽ thông báo sau. Đồng thời, gửi Công văn đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Lee. Đến ngày 10/5/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nhận được kết quả ủy thác tư pháp của Đại Hàn Dân Quốc với nội dung: Cơ quan có thẩm quyền của Hàn

Quốc không thực hiện tổng đạt được cho anh Lee bởi đóng cửa, vắng mặt. Tòa án đã thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lee.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lee kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc năm 2006, đã ghi chú tại Sở Tư pháp ngày 12/01/2007 sổ đăng ký kết hôn số 32, quyển số 01/2007, theo quy định Điều 1 Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính Phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch; Điều 20 Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài và Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lee được pháp luật Việt Nam công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian sống chung nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Năm 2009 chị Nguyễn Thị N trở về Việt Nam và từ đó đến nay anh chị không liên lạc với nhau. Như vậy, thể hiện giữa chị Nguyễn Thị N và anh Lee không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo pháp luật Việt Nam. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N là chính đáng, áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N.

[4] Về con chung, tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N trình bày vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về phí ủy thác tư pháp: Chị Nguyễn Thị N phải chịu phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 10 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 20 Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lee.
2. Về con chung, tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008570 ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.
4. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0008571 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Lee có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Anh Sơn